

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS - ST  
Ngày 18/10/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Văn Mẫn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lục Thị Xinh

2. Bà Triệu Thị Biên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Miên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST - HS ngày 20/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST- HS ngày 06/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/HSST – QĐ ngày 24/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Long Văn Đ, sinh năm 1971; Nơi ĐKNKTT : Thôn Nà Ngần, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Tổ 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/10; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Long Văn N và bà Triệu Thị N; vợ: Trần Thị T; con: 04 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: 02 (Tại Quyết định số 98/QĐ – XPVPHC ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt Long Văn Đ 2.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, tại Quyết định số 43/QĐ – XPVPHC ngày 12/4/2018 của Chủ tịch UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt Long Văn Đ 2.650.000 đồng về hành vi “*San ủi đất rừng trái pháp luật*”); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/6/2018 đến ngày 20/8/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lý Thị S, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1997; Nơi ĐKNKTT : Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Tổ 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn T và bà Phùng Thị C; chồng: chưa có; con: 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01(Tại Quyết định số 99/QĐ – XPVPHC ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Lý Thị S 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/6/2018 đến ngày 20/8/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S:* Ông Hà Văn Tạ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1983, trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

\* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Trần Thị T:* Ông Hà Trung Tuyển - Luật sư của Văn phòng Luật sư Bắc Kạn – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/9/2012, Long Văn Đ và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, đến ngày 16/01/2013 Đ và chị T có con chung là cháu Long Trần K. Sau khi chị T sinh con thì Đ thường xuyên phải đi làm xa nhà nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, từ đó giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ của mình tại thôn Nà, xã P, huyện C sinh sống. Trong khoảng thời gian chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống thì Đ có quen biết với Lý Thị S, sinh năm 1997, có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện P. Đến khoảng tháng 6 năm 2013 khi Đ bị tai nạn lao động, phải nằm điều trị tại nhà riêng tại tổ 1, thị trấn B, huyện C thì Lý Thị S đến thăm Đ, thấy Đ đang điều trị bệnh mà không có ai chăm sóc nên S đã tự nguyện ở lại chăm sóc Đ. Trong khoảng thời gian này giữa Đ và S đã nảy sinh tình cảm và đến tháng 9 năm 2013 Sao chuyển đến chung sống như vợ chồng với Đ tại tổ 1, thị trấn B, huyện C, quá trình chung sống Lý Thị S và Long Văn Đ có một con chung, sinh ngày 17/6/2014 đặt tên là Long Nhật K.

Do Long Văn Đ chưa ly hôn với chị Hoàng Thị T nhưng có hành vi sống với nhau như vợ chồng cùng Lý Thị S nên ngày 14/8/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Long Văn Đ về hành vi “*Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác như vợ chồng*” và Lý Thị S bị xử phạt về hành vi “*Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ*”.

Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên, Long Văn Đ và Lý Thị S vẫn tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng tại Tổ 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Biết được việc chung sống với nhau như vợ chồng của Đ và S chưa

chấm dứt nên đến tháng 04 năm 2018 chị Trần Thị T đã có đơn tố cáo mối quan hệ của Long Văn Đ và Lý Thị S và đề nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, Long Văn Đ và Lý Thị S đều khai nhận: Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình xong, Long Văn Đ và Lý Thị S vẫn tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng tại Tổ 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản cáo trạng số 15/CT - VKSCĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S về tội “*Vi phạm chế độ một vợ, một chồng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 182 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 182; điểm b điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Long Văn Đ với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 182; điểm b điểm i điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lý Thị S với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

- Không buộc các bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước vì các bị cáo đều là lao động tự do, không có việc làm ổn định và thu nhập thấp.

- Phần bồi thường dân sự trước khi mở phiên tòa các bị cáo và chị Trần Thị T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa chị T không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chị Trần Thị T đều nhất trí về tội danh và về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Về tội danh và về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo với mức án từ 06 đến 07 tháng Cải tạo không giam giữ. Không buộc các bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng của bị cáo Long Văn Đ và 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng của bị cáo Lý Thị S nộp trước khi mở phiên tòa tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn là để thi hành phần án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo nói lời sau cùng đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi , quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S đều thừa nhận: Ngày 14/8/ 2017 các bị cáo đều bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, cụ thể: Long Văn Đ bị xử phạt hành chính về hành vi *“Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác”* và Lý Thị S bị xử phạt hành chính về hành vi *“Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ”*. Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính các bị cáo tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng tại Tổ 1, thị trấn B Lũng, huyện C cho đến ngày 04/6/2018 mới chấm dứt việc sống chung như vợ chồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chung sống với nhau như vợ chồng và khi chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục có hành vi chung sống với nhau như vợ chồng trong khi quan hệ hôn nhân giữ Long Văn Đ và chị Trần Thị T vẫn còn tồn tại hợp pháp. Do đó, hành vi của các bị cáo cấu thành tội: "Vi phạm chế độ một vợ, một chồng" theo quy định điểm b khoản 1 Điều 182 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 15/CT – VKSCĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ hôn nhân và gia đình được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo mới đảm bảo giáo dục bị cáo và tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[ 4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án : Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, do đó vai trò của các bị cáo trong vụ án là tương đương nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng. Riêng bị cáo Long Văn Đ có bổ đề là ông Long Văn Ng là thương binh 4/4 và được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến và Bằng khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính nên xác định các bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo cũng đảm bảo việc giám sát, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt đối với xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì người bị kết án còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, qua các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, các bị cáo đều là lao động tự do, không có việc làm ổn định và thu nhập thấp. Do đó, miễn việc khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa các bị cáo và chị Trần Thị T đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa chị T không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với số tiền các bị cáo nộp trước khi mở phiên tòa tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để thi hành phần án phí, cụ thể: Bị cáo Long Văn Đ nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền số 05664 ngày 24/9/2018, bị cáo Lý Thị S nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền số 05665 ngày 24/9/2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xét thấy việc các bị cáo nộp số tiền trên là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành phần án phí cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S mỗi người phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S phạm tội Vi phạm chế độ một vợ, một chồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 182; điểm b điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Long Văn Đ 06 (*Sáu*) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính

từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 182; điểm b điểm i điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Thị S 06 (Sáu) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S.

2. Tạm giữ số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Long Văn Đ theo Biên lai thu tiền số 05664 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn và số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Lý Thị S theo Biên lai thu tiền số 05665 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Các bị cáo Long Văn Đ và Lý Thị S mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND Chợ Đồn;
- Công an Chợ Đồn;
- THADS Chợ Đồn;
- UBND TT Bằng Lũng;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Văn Mẫn**